

VỀ ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CÔNG TÁC TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

TÀO HỮU PHÙNG *

QUẢN lý thống nhất nền tài chính quốc gia nhằm mục tiêu sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đồng vốn để tăng tích lũy, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là một nhiệm vụ rất quan trọng. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã đề ra mục tiêu công tác tài chính - ngân sách giai đoạn 2001 - 2005 là "Tiếp tục đổi mới và lành mạnh hóa hệ thống tài chính - tiền tệ, tăng tiềm lực và khả năng tài chính quốc gia, thực hành triệt để tiết kiệm; tăng tỷ lệ chi ngân sách dành cho đầu tư phát triển; duy trì ổn định các cân đối vĩ mô; phát triển thị trường vốn đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội"⁽¹⁾. Qua 5 năm, công tác tài chính - ngân sách của chúng ta đã đạt được những kết quả sau:

- Thực hiện vượt mức nhiệm vụ động viên GDP vào ngân sách nhà nước (NSNN), góp phần quan trọng nâng cao tiềm lực tài chính quốc gia (tăng từ 26,5% GDP năm 2001 lên 30,7% GDP năm 2005). Đạt được điều đó trong bối cảnh có nhiều thay đổi trong chính sách thu NSNN, như: miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp (từ năm 2003); để lại toàn bộ số thu sử dụng vốn NSNN cho doanh nghiệp; tăng cường hoàn thuế giá trị gia tăng trong chính sách khuyến khích xuất khẩu; giảm thuế

suất thuế thu nhập doanh nghiệp (từ 32% xuống 28%); bỏ thuế thu nhập bổ sung, thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài; cắt giảm thuế nhập khẩu theo lộ trình của CEPT/AFTA, Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, Hiệp định Việt Nam - EU, Hiệp định trị giá GATT..., là một cố gắng rất lớn của các ngành, các cấp. Rõ ràng công tác tổ chức thu NSNN ngày càng có nhiều tiến bộ; các cơ chế, chính sách đã phù hợp hơn với quy luật của kinh tế thị trường, khuyến khích đầu tư, tăng khả năng tích tụ vốn của các doanh nghiệp để phát triển sản xuất kinh doanh và thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng nhanh (tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm giai đoạn 2001 - 2005 đạt 7,5%).

- Cơ cấu thu NSNN có chiều hướng vững chắc hơn do có sự chuyển dịch tích cực (với tốc độ tăng khá ổn định khoảng 20%/năm) của số thu nội địa (không kể xuất khẩu dầu thô) và đã trở thành nguồn thu chủ yếu của NSNN. Tỷ lệ thu nội địa đã tăng từ 50,7% tổng thu NSNN

* GS, TS, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế - Ngân sách của Quốc hội

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 263

năm 2001 lên gần 55% năm 2005. Thu từ khu vực kinh tế quốc doanh tuy có giảm về tỷ trọng, nhưng tốc độ tăng hằng năm vẫn đạt khá (13,8%). Thu từ khu vực ngoài quốc doanh và doanh nghiệp FDI cũng tăng bình quân 29,4%/năm. Công tác quản lý và huy động nguồn lực từ đất đai thông qua đấu thầu, đấu giá quyền sử dụng đất đã tạo nguồn thu cho NSNN với tốc độ tăng bình quân 71,3%/năm.

- Trong cơ cấu chi NSNN, tốc độ tăng chi NSNN bình quân đạt 17,3%/năm. Cơ cấu phân phối và sử dụng nguồn lực ngân sách đã có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng giảm dần các khoản chi bao biện và bao cấp, tập trung ưu tiên chi cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội quan trọng và giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc. Tỷ lệ chi đầu tư phát triển tăng cao, đạt 30,5% tổng chi NSNN (mục tiêu 25% - 26%); đồng thời, đã huy động hàng chục nghìn tỉ đồng công trái giáo dục, trái phiếu chính phủ để đầu tư cho trường - lớp học, công trình giao thông và thủy lợi quan trọng của đất nước. Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề tăng từ 15% năm 2000 lên 18% tổng chi NSNN năm 2005. Chi khoa học, công nghệ đạt trên 2% tổng chi NSNN. Nhìn chung, chi NSNN tăng nhanh, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, tăng cường hoạt động đối ngoại, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khắc phục kịp thời thiên tai, bão lụt, dịch bệnh và các nhu cầu cấp bách phát sinh.

- Để phát triển các vùng kinh tế, thực hiện Nghị quyết 37 và Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị, NSNN đã đầu tư thêm trên 40.000 tỉ đồng cho các tỉnh Tây Nguyên, miền núi phía Bắc, Tây Nam Bộ, vùng miền núi khó khăn. Đây mạnh phân cấp quản lý tài chính - ngân sách cho các cấp chính quyền địa phương, đặc biệt

là chính quyền cấp tỉnh. Số tỉnh tự cân đối được ngân sách tăng nhanh (từ 5 lên 15 tỉnh); đồng thời, vẫn bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương thực hiện những nhiệm vụ quan trọng của quốc gia, các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô; thực hiện vai trò điều phối tài chính quốc gia, hỗ trợ đối với các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Giai đoạn 2001 - 2005, ngân sách trung ương chiếm 70% thu NSNN, chiếm 56% chi NSNN; ngân sách địa phương chiếm 30% thu NSNN, chiếm 44% chi NSNN. Kiểm soát chặt chẽ mức bội chi NSNN trong phạm vi Quốc hội cho phép (dưới 5% GDP). Thanh toán đầy đủ và kịp thời các khoản nợ đến hạn, cả nợ trong và ngoài nước, kết hợp vay mới với thời gian và lãi suất hợp lý. Dự nợ chính phủ đến cuối năm 2005 (bao gồm cả dự nợ trái phiếu chính phủ, công trái giáo dục) khoảng 36% GDP, dự nợ quốc gia khoảng 32% GDP, là mức an toàn theo tiêu chuẩn quốc tế, vừa bảo đảm an ninh tài chính quốc gia, vừa tăng thêm nguồn vốn cho đầu tư phát triển.

- Trong quản lý và điều hành NSNN đã có những cải cách mang tính đột phá, đặc biệt là cải cách hành chính về thủ tục chi NSNN, cơ chế giao quyền tự chủ về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp có thu, thực hiện chế độ công khai, minh bạch ngân sách và tăng cường trách nhiệm giám sát của các cơ quan dân cử. Thủ tục chi ngân sách qua hệ thống kho bạc nhà nước, giải ngân vốn các dự án đã được cải cách khá cơ bản: đơn vị sử dụng ngân sách căn cứ dự toán được giao cả năm và chế độ tiêu chuẩn định mức chi ngân sách để chủ động quản lý và sử dụng ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt; bỏ thủ tục cấp phát ngân sách có tính chất hành chính; từng bước xây dựng và hoàn thiện định mức phân bổ ngân sách, quy định rõ hơn về tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách, định mức sử dụng tài sản

công. Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán đã đạt được những kết quả nhất định trong việc đấu tranh phòng và chống tham nhũng, lãng phí, thất thoát; đã phát hiện, xử lý, ngăn chặn nhiều vụ việc vi phạm chế độ quản lý tài chính - ngân sách, góp phần chấn chỉnh và tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách quốc gia. Chính sách khuyến khích xã hội hóa đã đạt được những kết quả quan trọng, bước đầu huy động được một phần đáng kể nguồn lực trong xã hội để thúc đẩy phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao.

Bên cạnh những kết quả đáng ghi nhận nêu trên, công tác tài chính - ngân sách vẫn còn tồn tại một số vấn đề:

- Nền tài chính quốc gia còn những yếu tố chưa vững chắc, thể hiện ở quy mô thu ngân sách còn nhỏ bé và phụ thuộc nhiều vào các khoản thu bấp bênh, không chắc chắn nếu có sự biến động của thị trường thế giới và các nhân tố khách quan. Các khoản thu không chắc chắn còn chiếm tỷ lệ lớn (thu từ xuất khẩu dầu thô chiếm 44% tổng thu NSNN). Tỷ lệ thu nội địa tuy có tăng nhưng chưa tương xứng với tiềm năng và dưới khả năng phát triển của nền kinh tế. Phần giá trị tăng thêm của nền kinh tế được động viên vào NSNN còn rất hạn chế. Thêm vào đó là một số chính sách động viên tài chính chậm được sửa đổi bổ sung: chính sách thuế còn chưa bao quát hết nguồn thu, tình trạng thất thu, nợ đọng thuế còn lớn; quy định trong chính sách thuế còn nhiều bất cập, chưa phù hợp với thông lệ quốc tế về bảo hộ sản xuất trong nước; lồng ghép chính sách xã hội trong chính sách thuế...

- Chính sách phân phối tài chính còn một số nội dung bất hợp lý, bao cấp ở một số lĩnh vực còn lớn, chưa gắn kết đầy đủ nghĩa vụ, quyền hạn và trách nhiệm trong quản lý và sử dụng NSNN. Cơ cấu đầu tư chưa hợp lý, tình trạng dàn trải, phân tán trong chi đầu tư chậm

được khắc phục (giai đoạn 2001 - 2005 có khoảng 50.000 dự án); đầu tư của Nhà nước còn chiếm tỷ trọng lớn (khoảng 54% tổng vốn đầu tư toàn xã hội), nhưng tác dụng đóng góp vào tăng trưởng và tạo việc làm của lượng vốn đầu tư này còn thấp. Thất thoát, lãng phí trong quản lý và sử dụng đất đai, quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản còn diễn ra phổ biến, chưa có biện pháp ngăn chặn hữu hiệu. Đầu tư ngân sách cho các lĩnh vực xã hội còn thấp so với nhu cầu, trong lúc nhiều lĩnh vực xã hội phát triển chậm làm hạn chế thành quả phát triển toàn diện và bền vững của nền kinh tế. Công tác sắp xếp lại bộ máy, tinh giản biên chế chậm. Triển khai thực hiện chính sách đối với các đơn vị dịch vụ công chưa đạt yêu cầu đề ra, chưa phát huy được tính năng động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị dịch vụ công. Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương tài chính chưa nghiêm; tình trạng không thực hiện đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu ngân sách và tài sản công còn diễn ra phổ biến ở nhiều bộ, ngành và địa phương, biện pháp xử lý vi phạm chưa thật kiên quyết.

- Thu ngân sách địa phương chậm được cải thiện do tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa cao, hiệu quả thấp. Số tỉnh tự cân đối được ngân sách và có điều tiết về ngân sách trung ương chưa nhiều, chủ yếu là do chuyển nguồn thu thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất trong nước và lệ phí xăng dầu từ nguồn thu 100% của ngân sách trung ương thành nguồn thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Quyền tự chủ và khả năng tăng thu của ngân sách địa phương từ sự phát triển kinh tế, khai thác tiềm năng thế mạnh của địa phương còn rất hạn chế. Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương còn lớn. Cơ chế giao dự toán NSNN còn nhiều bất cập: giao chỉ tiêu quá chi tiết, làm hạn chế tính chủ động, sáng tạo của các cấp chính quyền địa phương.

- Tình trạng quản lý tài chính - ngân sách, tài sản công lỏng lẻo diễn ra ở không ít bộ, ngành và địa phương; tiêu chuẩn, chế độ, định mức bất hợp lý, chậm được sửa đổi; tình trạng vi phạm các quy định về quản lý tài chính - ngân sách còn xảy ra khá phổ biến.

Bước vào kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và công tác tài chính - ngân sách sẽ đứng trước những thuận lợi, khó khăn và thách thức mới. Vì vậy, mục tiêu và nhiệm vụ NSNN nên hướng vào các vấn đề cơ bản như sau:

Một là, phải đổi mới chính sách động viên GDP vào NSNN, tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, nâng cao chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế, vừa tăng tích tụ vốn cho khu vực sản xuất kinh doanh, vừa bảo đảm được nguồn lực tập trung vào NSNN để thực hiện những chức năng cơ bản của Nhà nước; hiện đại hóa công tác thu thuế và hải quan, tăng cường quản lý thuế, chống gian lận, trốn thuế và nợ đọng thuế.

Hai là, thực hiện chính sách phân phối NSNN hợp lý, công bằng, hiệu quả nhằm mục tiêu thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng đầu tư phát triển và đầu tư cho con người, thúc đẩy phát triển các lĩnh vực xã hội đồng bộ với phát triển kinh tế, bảo đảm sự phát triển bền vững và toàn diện, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính quốc gia.

Ba là, thực hiện cân đối NSNN tích cực, vững chắc ở cả ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương (tối thiểu 60% - 65% thu NSNN) để thực hiện những nhiệm vụ chiến lược quan trọng của quốc gia; tăng cường phân cấp quản lý ngân sách để tăng số địa phương tự cân đối được ngân sách, phát huy vai trò chủ động của ngân sách địa phương; bố trí và phân bổ ngân sách hợp lý giữa các vùng kinh tế trên cơ sở phát huy lợi thế của từng

vùng và sức mạnh tổng hợp trong sự liên kết giữa các vùng; ưu tiên đầu tư đối với vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có hoàn cảnh khó khăn.

Bốn là, thực hiện chính sách ngân sách chặt chẽ, thận trọng, bội chi NSNN ở mức hợp lý trong giới hạn cho phép của Quốc hội; thực hiện cơ cấu lại nguồn vay trong nước và vay ngoài nước để bù đắp bội chi, đối với vay ngoài nước chỉ vay ưu đãi ODA; đồng thời tiếp tục cơ cấu lại nợ quốc gia, nợ chính phủ; giữ mức dư nợ chính phủ, dư nợ quốc gia không quá 50% GDP nhằm bảo đảm vững chắc an ninh tài chính quốc gia trong phát triển và hội nhập.

Năm là, nghiên cứu đổi mới chính sách phân bổ ngân sách dựa trên cơ sở kết quả đầu ra ở một số lĩnh vực, gắn với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, các tiêu chí đánh giá kết quả đầu ra; phân định rõ nội dung và phạm vi mà NSNN phải bảo đảm; xác định những nhiệm vụ quan trọng, thiết yếu cần có sự đầu tư của NSNN, như: kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đào tạo nguồn nhân lực, phát triển vùng kinh tế trọng điểm, hỗ trợ các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa; xóa đói giảm nghèo, củng cố quốc phòng - an ninh...; đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa, đa dạng hóa công tác huy động nguồn lực ở những khu vực có điều kiện để chăm lo sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao...

Để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ nêu trên và với tư duy mới trong chính sách tài chính - ngân sách quốc gia nhằm hoàn thành Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 của Đảng, thiết nghĩ trong kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, cần tập trung vào một số giải pháp sau:

Giải pháp 1 - Chú trọng chính sách đầu tư tạo nguồn thu nội địa vững chắc cho ngân sách nhà nước: Giải pháp này xuất phát từ thực

trạng nguồn thu của ngân sách nhà nước hiện nay chưa ổn định, chưa vững chắc. Khoảng 50% tổng thu NSNN chưa xuất phát từ kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và kết quả của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Những khoản thu bấp bênh (như thu từ dầu khí, xuất nhập khẩu, đất đai...) còn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu NSNN. Vì vậy, để tạo nguồn thu vững chắc cho NSNN cần:

- Tập trung hỗ trợ tài chính và tín dụng nhà nước vào các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả để giúp họ đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, sức cạnh tranh, hạ giá thành, từ đó tạo nguồn thu vững chắc cho NSNN;

- Động viên nguồn thu vào NSNN cần có chính sách hợp lý để tăng tích lũy cho doanh nghiệp thông qua cơ chế để lại nguồn thu cho doanh nghiệp đầu tư chiều sâu, chẳng hạn như ngành dầu khí;

- Thực hiện chính sách đầu tư, hỗ trợ tài chính và ưu đãi một cách hợp lý để khuyến khích các địa phương tăng cường phát triển kinh tế, thu hút đầu tư, chủ động, sáng tạo trong khai thác các tiềm năng và lợi thế của địa phương. Tăng số lượng các địa phương có số thu NSNN trên 1000 tỉ đồng và các địa phương tự cân đối được ngân sách. Hỗ trợ các địa phương nghèo, miền núi khó khăn, nhưng cũng cần có cơ chế đặc thù để khuyến khích các địa phương có khả năng và tiềm lực phát triển lớn có điều kiện bứt phá, tạo động lực để kéo các địa phương còn khó khăn.

2 – Có chính sách tài chính thông thoáng để động viên, thu hút mọi nguồn lực trong xã hội cho đầu tư phát triển, đặc biệt là đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và các dịch vụ công: Miễn giảm thuế theo Luật Đầu tư cho các doanh nghiệp tại các địa bàn quan trọng, ngành sản xuất công ích, đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Có cơ chế huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn vay nước ngoài,

khắc phục tình trạng sử dụng kém hiệu quả, lãng phí và thất thoát, tham nhũng, nhất là đối với vốn vay ODA. Ví dụ: hiện tượng sử dụng ODA mua hàng trăm ô tô đắt tiền để cho mượn, hối lộ; sử dụng ODA đánh bạc, cá độ bóng đá, vụ lợi cá nhân... Cần có cơ chế quản lý chặt chẽ việc huy động và sử dụng vốn bằng trái phiếu chính phủ, hàng năm cần đưa vào cân đối NSNN và báo cáo Quốc hội, coi đây như là một nguồn thu của NSNN. Hàng năm, chúng ta huy động khoảng 15.000 tỉ đồng vốn trái phiếu chính phủ, nên cần tránh tình trạng huy động rồi để tồn đọng, vốn chết, tạo ra lãi khổng lồ mà Nhà nước phải trả trong tương lai. Có biện pháp tài chính thích hợp để huy động mọi nguồn lực thông qua xã hội hóa đầu tư cho giáo dục, đào tạo, y tế, thể dục thể thao và các dịch vụ công. Nên mạnh dạn giao cho các doanh nghiệp ngoài nhà nước thực hiện và đảm nhận các dịch vụ công (như mở rộng các trường bán công, dân lập, tư thục) để thực hiện xã hội hóa và giảm gánh nặng của NSNN. Từng bước cho phép đấu giá để chuyển giao quyền sử dụng một số cơ sở thuộc kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư (như đấu giá bến cảng, đường cao tốc, cầu đường bộ...) để chuyển giao cho tư nhân và các doanh nghiệp quản lý khai thác có hiệu quả hơn, từ đó tạo thêm nguồn lực cho đầu tư phát triển. Triển khai các biện pháp thích hợp để phát triển thị trường tài chính, thị trường dịch vụ tài chính nhằm thu hút nguồn vốn trung và dài hạn. Phát triển thị trường chứng khoán, kết hợp chặt chẽ với việc cổ phần hóa và sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước theo Luật Doanh nghiệp (chung cho mọi thành phần kinh tế). Khẩn trương ban hành Luật Chứng khoán. Xây dựng chính sách và đề án đổi mới, hoàn thiện cơ chế sử dụng tài chính công có hiệu quả. Sớm có cơ chế quản lý tài chính đối với đất đai và bất động sản, kết cấu hạ tầng quan trọng của Nhà nước, trong đó cố gắng khai thác nguồn lực từ

đất đai để có nguồn xây dựng kết cấu hạ tầng. Tính toán điều chỉnh lại quy hoạch và phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất, tránh lãng phí vốn và đất đai, ảnh hưởng đến đời sống và việc làm của nông dân bị thu hồi đất. Kiểm soát việc khai thác các nguồn tài nguyên khoáng sản của đất nước, nhất là các tài nguyên quý hiếm, nhằm duy trì nguồn lực cho phát triển bền vững.

3 – Hoàn thiện và đổi mới chính sách tài chính trong việc phân phối và sử dụng có hiệu quả, hợp lý các nguồn lực tài chính quốc gia: Sớm hoàn thiện và đổi mới chính sách phân phối, bảo đảm hợp lý, công bằng, có hiệu quả. Tăng cường khai thác các nguồn lực đầu tư toàn xã hội nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhất là cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, phát triển các vùng kinh tế động lực, thu hẹp khoảng cách giữa vùng đô thị với vùng sâu, vùng xa, bảo đảm đủ nguồn lực để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế gắn với công bằng xã hội và xóa đói, giảm nghèo. Bảo đảm vai trò định hướng và chủ đạo của tài chính nhà nước trong việc đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trong việc xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, các công trình trọng điểm quốc gia và ưu tiên hỗ trợ hợp lý cho các vùng khó khăn, chậm phát triển. Điều chỉnh cơ cấu đầu tư gắn với tốc độ và tiến trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế; phát triển ngành mũi nhọn, công nghệ cao, thúc đẩy đổi mới khoa học, công nghệ; khuyến khích đầu tư vào dịch vụ tài chính - ngân hàng và các dịch vụ chất lượng cao. Trong phân bổ vốn đầu tư từ NSNN, cần sớm trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư theo nguyên tắc công bằng, có căn cứ khoa học dựa trên tình trạng hiện tại và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển các ngành, vùng, củng cố quốc phòng - an ninh, các công

trình trọng điểm nằm trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt ghi trong kế hoạch 5 năm (2006 - 2010); trong phân bổ vốn đầu tư cần ưu tiên giúp các tỉnh nghèo vượt khó, tỉnh mới chia tách, miền núi và Tây Nguyên.

4 – Về đổi mới chính sách chi ngân sách nhà nước: Tăng cường quản lý chi và sử dụng ngân sách tiết kiệm, có hiệu quả, nhất là trong chi đầu tư xây dựng cơ bản cần có chính sách và cơ chế quản lý thích hợp dựa trên cơ sở thực hiện các Luật: Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư (chung), Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí... đã được Quốc hội thông qua. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các chương trình mục tiêu quốc gia; thực hiện lồng ghép nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia để sử dụng có hiệu quả và sớm đạt mục tiêu đề ra. Trong chi thường xuyên, cần quản lý chặt chẽ việc mua sắm, sử dụng tài sản công trên cơ sở có tiêu chuẩn định mức cụ thể, kết hợp với việc khoán và tăng cường kiểm tra, giám sát. Sửa đổi các định mức chi tiêu đã lạc hậu (như công tác phí, lưu trú, ưu đãi theo nghề...). Giảm dần và tiến tới chấm dứt tình trạng bù lỗ xăng dầu, có chế tài để các ngành, các cấp phải triệt để thực hành tiết kiệm xăng dầu. Ngân sách nhà nước không hỗ trợ cho các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu nhập khẩu. Phấn đấu bảo đảm mức chi ngân sách cho giáo dục, đào tạo đến năm 2010 đạt 20% tổng chi NSNN, đi đôi với tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách dành cho giáo dục, đào tạo. Đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát của các cơ quan nhà nước đối với thu và chi tài chính quốc gia; chấp hành nghiêm các luật đã được Quốc hội thông qua và xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật; thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính trong các ngành, các cấp. □